

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM
BÁO CÁO TÀI CHÍNH VĂN PHÒNG GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2020 đến ngày 30 tháng 06 năm 2020

Tháng 08 năm 2020

MỤC LỤC

NỘI DUNG

TRANG

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VĂN PHÒNG GIỮA NIÊN ĐỘ	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH VĂN PHÒNG GIỮA NIÊN ĐỘ	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ VĂN PHÒNG GIỮA NIÊN ĐỘ	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH VĂN PHÒNG GIỮA NIÊN ĐỘ	9 - 34



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

Tòa nhà Vinaincon, số 5 đường Láng Hạ, phường Thành Công, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp Việt Nam (gọi tắt là “Tổng Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính Văn phòng giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2020 đến ngày 30 tháng 06 năm 2020.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Hoàng Thế Hiền	Chủ tịch
Ông Nguyễn Thế Thành	Phó Chủ tịch
Ông Hoàng Chí Cường	Thành viên
Bà Trần Thị Minh	Thành viên
Ông Đỗ Chí Nguyễn	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Hoàng Chí Cường	Tổng Giám đốc (thời nhiệm vụ TGD từ ngày 15/08/2020)
Ông Đỗ Chí Nguyễn	Tổng Giám đốc (bỏ nhiệm ngày 15/08/2020)
Ông Chu Tuấn Ngọc	Phó Tổng Giám đốc (mất ngày 17/03/2020)
Ông Tạ Đăng Tính	Phó Tổng Giám đốc

Người đại diện pháp luật

Ông Đỗ Chí Nguyễn được bổ nhiệm làm Tổng Giám đốc Tổng Công ty từ ngày 15/08/2020 và là người đại diện theo pháp luật của Tổng Công ty thay ông Hoàng Chí Cường.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hàng kỳ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2020 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty trong kỳ từ 01 tháng 01 năm 2020 đến 30 tháng 06 năm 2020. Trong việc lập các báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính giữa niên độ hay không;
- Lập báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo các số kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Tổng Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán và báo cáo tài chính giữa niên độ được lập tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Tổng Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính Văn phòng giữa niên độ.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính Văn phòng giữa niên độ.

1025
CÔ
T
KIỂM
V
NH P


TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

Tòa nhà Vinaincon, số 5 đường Láng Hạ, phường Thành Công, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc phê duyệt báo cáo tài chính Văn phòng giữa niên độ đính kèm, báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2020 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong kỳ từ 01 tháng 01 năm 2020 đến 30 tháng 06 năm 2020, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính Văn phòng giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc, 



Đỗ Chí Nguyễn

Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 20 tháng 08 năm 2020

Số: 309 /VACO/BCSX.NV2

**BÁO CÁO SOÁT XÉT
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Kính gửi: Các cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp Việt Nam

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính Văn phòng giữa niên độ kèm theo của Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp Việt Nam, được lập ngày 20/8/2020 từ trang 05 đến trang 34, bao gồm Bảng cân đối kế toán Văn phòng giữa niên độ tại ngày 30/6/2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh Văn phòng giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ Văn phòng giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/6/2020 và Bản thuyết minh báo cáo tài chính Văn phòng giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp Việt Nam chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính Văn phòng giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính Văn phòng giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính Văn phòng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính Văn phòng giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính Văn phòng giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 30/6/2020 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ của Tổng Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính Văn phòng giữa niên độ.

**BÁO CÁO SOÁT XÉT
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính Văn phòng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 và cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/6/2019 đã được kiểm toán và soát xét bởi một công ty kiểm toán độc lập khác, với báo cáo kiểm toán số 458/2020/BCKT-BCTC/CPA VIETNAM ngày 14/4/2020 đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần và báo cáo soát xét số 747/2019/BCSX-BCTCV/CPA VIETNAM ngày 28/8/2019 đưa ra kết luận chấp nhận toàn phần.



Nguyễn Đức Tiến
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số: 0517-2018-156-1

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO
Hà Nội, ngày 28 tháng 08 năm 2020

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VĂN PHÒNG GIỮA NIÊN ĐỘ
 Tại ngày 30 tháng 06 năm 2020

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2020	01/01/2020
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		485.518.795.767	494.559.615.405
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		3.453.692.857	1.331.587.978
1. Tiền	111	4	3.453.692.857	1.331.587.978
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		458.222.388.351	462.087.590.633
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5	90.471.962.321	108.116.024.170
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	6	29.171.287.190	28.791.191.626
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133	7	30.976.998.380	23.199.168.623
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	8	360.323.574.622	354.702.640.376
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	9	(52.721.434.162)	(52.721.434.162)
III. Hàng tồn kho	140		22.773.637.149	30.005.144.853
1. Hàng tồn kho	141	10	22.773.637.149	30.005.144.853
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.069.077.410	1.135.291.941
1. Thuế GTGT được khấu trừ	152		101.932.189	-
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	18	967.145.221	1.135.291.941
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		367.250.833.157	367.255.151.369
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		16.963.357.208	16.963.357.208
1. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213	11	16.963.357.208	16.963.357.208
II. Tài sản cố định	220		6.916.803.235	6.917.851.613
1. Tài sản cố định hữu hình	221	12	6.916.803.235	6.917.851.613
- Nguyên giá	222		31.385.027.920	30.697.297.497
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(24.468.224.685)	(23.779.445.884)
2. Tài sản cố định vô hình	227	13	-	-
- Nguyên giá	228		730.720.000	730.720.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(730.720.000)	(730.720.000)
III. Đầu tư tài chính dài hạn	250	14	329.924.555.659	329.924.555.659
1. Đầu tư vào công ty con	251		473.305.672.855	473.305.672.855
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		54.263.592.152	54.263.592.152
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		28.883.043.675	28.883.043.675
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(226.527.753.023)	(226.527.753.023)
IV. Tài sản dài hạn khác	260		13.446.117.055	13.449.386.889
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	15	13.446.117.055	13.449.386.889
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		852.769.628.924	861.814.766.774

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VĂN PHÒNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)
 Tại ngày 30 tháng 06 năm 2020

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2020	01/01/2020
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		112.076.762.652	126.537.581.845
I. Nợ ngắn hạn	310		112.028.762.652	126.489.581.845
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	16	30.645.514.297	33.330.827.358
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	17	7.998.310.791	7.998.310.791
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	18	493.363.731	196.461.323
4. Phải trả người lao động	314		4.257.805.474	5.678.080.228
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	19	2.654.997.469	2.930.433.086
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316	21	11.849.595.673	19.352.373.697
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	20	40.327.364.310	39.690.104.455
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	22	1.470.000.000	7.000.000.000
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		12.331.810.907	10.312.990.907
II. Nợ dài hạn	330		48.000.000	48.000.000
1. Phải trả dài hạn khác	337	20	48.000.000	48.000.000
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		740.692.866.272	735.277.184.929
I. Vốn chủ sở hữu	410	23	740.692.866.272	735.277.184.929
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		550.000.000.000	550.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		550.000.000.000	550.000.000.000
2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		190.692.866.272	185.277.184.929
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		182.305.184.929	168.297.351.303
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		8.387.681.343	16.979.833.626
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		852.769.628.924	861.814.766.774



Trần Ngọc Tâm
 Người lập biểu
 Hà Nội, ngày 20 tháng 08 năm 2020



Đặng Quang Cường
 Trưởng Ban tài chính kế toán



Đỗ Chí Nguyễn
 Tổng Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH VĂN PHÒNG GIỮA NIÊN ĐỘ
 Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

Đơn vị: VND

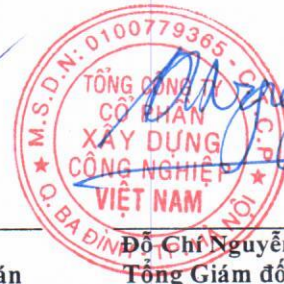
CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ ngày 01/01/2020	Từ ngày 01/01/2019
			đến ngày 30/06/2020	đến ngày 30/06/2019
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		24.490.752.667	196.616.268.228
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	25	24.490.752.667	196.616.268.228
4. Giá vốn hàng bán	11	26	23.271.246.818	189.643.188.601
5. Lợi nhuận/ (Lỗ) gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		1.219.505.849	6.973.079.627
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	28	19.126.509.233	17.400.094.627
7. Chi phí tài chính	22		26.701.644	90.246.575
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		26.701.644	90.246.575
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	29	11.952.710.917	10.533.296.311
9. Lợi nhuận/ (Lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + 21 - 22 - 26}	30		8.366.602.521	13.749.631.368
10. Thu nhập khác	31		51.610.000	213.663.502
11. Chi phí khác	32		30.531.178	874.481.165
12. Lợi nhuận/ (Lỗ) khác (40 = 31 - 32)	40		21.078.822	(660.817.663)
13. Tổng lợi nhuận/ (lỗ) kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		8.387.681.343	13.088.813.705
14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		-	-
15. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
16. Lợi nhuận/ (Lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		8.387.681.343	13.088.813.705



Trần Ngọc Tâm
 Người lập biểu
 Hà Nội, ngày 20 tháng 08 năm 2020



Đặng Quang Cường
 Trưởng Ban tài chính kế toán



Đỗ Chí Nguyễn
 Tổng Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ VĂN PHÒNG GIỮA NIÊN ĐỘ
(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020	Từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	8.387.681.343	13.088.813.705
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	1.290.272.687	1.291.930.762
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(19.175.619.233)	(17.400.094.627)
- Chi phí lãi vay	06	26.701.644	90.246.575
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	(9.470.963.559)	(2.929.103.585)
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	19.389.748.146	(41.798.438.942)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	7.231.507.704	4.491.960.895
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	(10.949.639.193)	26.722.950.254
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	3.269.834	47.011.778
- Tiền lãi vay đã trả	14	(26.701.644)	(90.246.575)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(953.180.000)	(412.041.665)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	5.224.041.288	(13.967.907.840)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(1.289.224.309)	-
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	49.110.000	-
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	3.668.177.900	3.778.711.712
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	2.428.063.591	3.778.711.712
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ đi vay	33	1.470.000.000	34.058.913.104
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(7.000.000.000)	(7.237.488.552)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(5.530.000.000)	26.821.424.552
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50	2.122.104.879	16.632.228.424
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	1.331.587.978	20.839.199.112
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60)	70	3.453.692.857	37.471.427.536

Trần Ngọc Tâm
 Người lập biểu
 Hà Nội, ngày 20 tháng 08 năm 2020

Đặng Quang Cường
 Trưởng Ban tài chính kế toán

Đỗ Chí Nguyễn
 Tổng Giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH VĂN PHÒNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính Văn phòng giữa niên độ kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp Việt Nam (“Tổng Công ty”) tiền thân là Doanh nghiệp Nhà nước trực thuộc Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công Thương), được thành lập theo Quyết định số 63/1998/QĐ-BCN ngày 22/09/1998 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp. Tổng Công ty chuyển sang hoạt động theo hình thức cổ phần theo Quyết định số 2259/QĐ-TTg ngày 10/12/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc điều chỉnh cơ cấu vốn điều lệ của Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp Việt Nam.

Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp Việt Nam hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 0100779365 đăng ký lần đầu ngày 21/10/1998 và thay đổi lần thứ 7 ngày 19/08/2020 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 7 ngày 19/08/2020, vốn điều lệ của Tổng Công ty là 550.000.000.000 VND, tương đương 55.000.000 cổ phần, mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 VND. Các cổ đông của Tổng Công ty như sau:

Cổ đông	Số cổ phần	Vốn góp (VND)	Tỷ lệ (%)
Bộ Công thương	45.512.500	455.125.000.000	82,75%
Cổ đông khác	9.487.500	94.875.000.000	17,25%
Cộng	55.000.000	550.000.000.000	100,00%

Tổng số nhân viên của Tổng Công ty tại ngày 30/06/2020 là 91 người (tại ngày 31/12/2019 là 86 người).

Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh của Tổng Công ty bao gồm:

- Xây dựng nhà các loại; Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu; Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng thạch cao; Cát tạo dáng và hoàn thiện đá; Sản xuất các cấu kiện kim loại; Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại; Rèn, dập, ép và cán kim loại, luyện bột kim loại; Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu; Xây dựng công trình công ích; Lắp đặt hệ thống điện;
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác; Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông; Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa; Kho bãi và lưu giữ hàng hóa; Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống lưu động (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường); Dịch vụ phục vụ đồ uống (không bao gồm kinh doanh quán bar);
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác mỏ và quặng khác; Sản xuất hóa chất cơ bản (trừ hóa chất Nhà nước cấm); Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét; Sửa chữa máy móc, thiết bị; Sửa chữa điện; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Các ngành nghề kinh doanh khác đã quy định cụ thể tại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Tổng Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH VĂN PHÒNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính Văn phòng giữa niên độ kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (Tiếp theo)

Cấu trúc doanh nghiệp

Thông tin chi tiết về các công ty con của Tổng Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2020 như sau:

Tên công ty con	Nơi thành lập (hoặc đăng ký) và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết năm giữ	Hoạt động chính
Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện 2	TP. Hồ Chí Minh	100,00%	100,00%	Lắp đặt hệ thống điện
Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện 4	TP. Hà Nội	100,00%	100,00%	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng
Công ty TNHH MTV Cơ khí Hóa chất Hà Bắc	Bắc Giang	100,00%	100,00%	Sản xuất sản phẩm cơ khí
Công ty TNHH MTV Xi măng Quang Sơn	Thái Nguyên	100,00%	100,00%	Sản xuất và kinh doanh xi măng, clinke
Công ty TNHH MTV Xây lắp Hóa chất	TP. Hà Nội	100,00%	100,00%	Xây lắp
Công ty Cổ phần Cơ khí Xây lắp Hoá chất	TP. Hà Nội	71,42%	71,42%	Xây lắp
Công ty Cổ phần Xây lắp và Sản xuất Công nghiệp	TP. Hà Nội	52,15%	52,15%	Thi công, xây lắp công trình
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng số 5	TP. Hồ Chí Minh	51,00%	51,00%	Thi công, xây lắp công trình công nghiệp, dân dụng
Công ty Cổ phần Bê tông Ly tâm Thủ Đức	TP. Hồ Chí Minh	51,00%	51,00%	Sản xuất và kinh doanh sản phẩm bê tông công nghiệp
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thương mại Hợp tác Nhân lực Quốc tế Việt Nam	TP. Hà Nội	51,00%	51,00%	Xuất khẩu lao động
Công ty Cổ phần Đầu tư và Khoáng sản VINAINCON	TP. Hà Nội	51,00%	51,00%	Đầu tư, khai thác và kinh doanh khoáng sản
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Vinaincon 6	TP. Hồ Chí Minh	51,00%	51,00%	Xây dựng nhà các loại
Công ty Cổ phần Bê tông Ly tâm An Giang	An Giang	50,69%	50,69%	Sản xuất và kinh doanh sản phẩm bê tông công nghiệp

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH VĂN PHÒNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính Văn phòng giữa niên độ kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (Tiếp theo)

Cấu trúc doanh nghiệp (Tiếp theo)

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết của Tổng Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2020 như sau:

Tên công ty liên kết	Nơi thành lập (hoặc đăng ký) và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết năm giữ	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng VINAINCON	TP. Hà Nội	41,18%	41,18%	Đầu tư và khai thác các công trình về năng lượng
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Công nghiệp	TP. Hà Nội	36,00%	36,00%	Xây dựng nhà ở
Công ty Cổ phần Thi công cơ giới VINAINCON	TP. Hà Nội	27,99%	27,99%	Xây dựng nhà các loại
Công ty Cổ phần Cơ khí Hồng Nam	TP. Hà Nội	27,37%	27,37%	Sản xuất các thiết bị nâng, hạ và bốc xếp
Công ty Cổ phần Khai thác Đá vôi Quang Sơn	Thái Nguyên	25,00%	25,00%	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét
Công ty Cổ phần Kết cấu thép Xây dựng	TP. Hà Nội	23,11%	23,11%	Sản xuất các cấu kiện kim loại
Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế và Xây dựng VINAINCON	TP. Hà Nội	20,70%	20,70%	Tư vấn và xây lắp
Công ty Cổ phần Bê tông ly tâm Vinaincon	Hải Dương	20,00%	20,00%	Sản xuất cột điện và cọc bê tông ly tâm

Tại ngày 30/06/2020, các đơn vị hạch toán kinh tế phụ thuộc Công ty mẹ - Tổng Công ty gồm:

STT	Tên đơn vị	Địa chỉ	Tình hình hoạt động
1	Văn phòng Tổng Công ty	Số 5 Láng Hạ - Ba Đình - Hà Nội	Đang hoạt động
2	Trung tâm Xuất nhập khẩu và Dịch vụ vật tư kỹ thuật - Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp Việt Nam	Số 5 Láng Hạ - Ba Đình - Hà Nội	Tạm ngừng hoạt động
3	Chi nhánh Miền Nam - Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp Việt Nam	Số 22 - Lý Tự Trọng - Phường Bến Nghé - Quận 1- Tp HCM	Đang hoạt động
4	Chi nhánh Campuchia - Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp Việt Nam	10EF6, st.206+211, Sangkat vealvong, Khan 7makara, Phnomphenh, Cambodia	Đang hoạt động
5	Chi nhánh Xây lắp và Cung ứng vật tư thiết bị - Tổng Công ty Xây dựng Công nghiệp Việt Nam	Số 5 Láng Hạ - Ba Đình - Hà Nội	Đang hoạt động
6	Chi nhánh Myanmar - Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp Việt Nam	Số 01, Tòa nhà số 33, Shwe Ohn Pin Housing 2, đường Yan Shin, thị xã Yan Kin, Yangon, Myanmar	Đang hoạt động

2. KỶ KẾ TOÁN, CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Kỳ kế toán

Báo cáo tài chính Văn phòng giữa niên độ này được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2020 đến ngày 30 tháng 06 năm 2020.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH VẮN PHÒNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính Văn phòng giữa niên độ kèm theo

2. KỶ KẾ TOÁN, CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Chế độ kế toán áp dụng

Tổng Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính Văn phòng giữa niên độ được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Báo cáo tài chính Văn phòng giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính Văn phòng giữa niên độ.

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính Văn phòng giữa niên độ tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính Văn phòng giữa niên độ yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính Văn phòng giữa niên độ cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý

Luật Kế toán số 88/2015/HQH13 đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khoá XIII, kỳ họp thứ 10 thông qua ngày 20 tháng 11 năm 2015 có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2017. Theo quy định tại Điều 28 - Đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý. Tuy nhiên, đến thời điểm phát hành báo cáo này, chưa có văn bản hướng dẫn trong việc áp dụng đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư vào công ty con

Công ty con là các công ty do Tổng Công ty kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH VĂN PHÒNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính Văn phòng giữa niên độ kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**Các khoản đầu tư tài chính (Tiếp theo)*****Đầu tư vào công ty liên kết***

Công ty liên kết là một công ty mà Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Tổng Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Tổng Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết theo giá gốc. Tổng Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được trích lập khi công ty con, công ty liên doanh, liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên doanh, liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Tổng Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên doanh, liên kết. Nếu công ty con, công ty liên doanh, liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Đầu tư vốn vào các đơn vị khác

Đầu tư vốn vào các đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư vốn nhưng Tổng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vốn vào các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vốn vào các đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Tổng Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự theo quy định hiện hành.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH VĂN PHÒNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính Văn phòng giữa niên độ kèm theo***3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm khấu hao</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	03 - 25
Máy móc, thiết bị	03 - 06
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10
Thiết bị và dụng cụ quản lý	03

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình của Tổng Công ty bao gồm: Phần mềm quản lý trang web, phần mềm quản lý nhân sự và quản lý kho, phần mềm điện tử BKAV.

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 2 - 3 năm.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Tổng Công ty bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ: Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

Giá trị quyền sử dụng đất theo phương án cổ phần hóa: Là giá trị quyền sử dụng đất tại số 5 Láng Hạ phải nộp theo phương án cổ phần hóa Tổng Công ty đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính về số tiền phải trả theo các phương án, kế hoạch đã được phê duyệt.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Tổng Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu: Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH VẮN PHÒNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính Vắn phòng giữa niên độ kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**Phân phối lợi nhuận**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Tổng Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức/lợi nhuận như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của kỳ báo cáo đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- a) Doanh thu được xác định trong đối chắc chắn;
- b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- c) Xác định được phân công việc đã hoàn thành tại ngày của kỳ báo cáo; và
- d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Tổng Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho chủ sở hữu.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH VĂN PHÒNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính Văn phòng giữa niên độ kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Tổng Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Tổng Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Việc xác định thuế thu nhập của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.



Handwritten red text on the right margin, including 'NH H' and other illegible characters.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH VẮN PHÒNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính Vắn phòng giữa niên độ kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Bên liên quan

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện 2	Công ty con
Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện 4	Công ty con
Công ty TNHH MTV Cơ khí Hóa chất Hà Bắc	Công ty con
Công ty TNHH MTV Xi măng Quang Sơn	Công ty con
Công ty TNHH MTV Xây lắp Hóa chất	Công ty con
Công ty Cổ phần Cơ khí Xây lắp Hoá chất	Công ty con
Công ty Cổ phần Xây lắp và Sản xuất Công nghiệp	Công ty con
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng số 5	Công ty con
Công ty Cổ phần Bê tông Ly tâm Thủ Đức	Công ty con
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thương mại Hợp tác Nhân lực Quốc tế Việt Nam	Công ty con
Công ty Cổ phần Đầu tư và Khoáng sản VINAINCON	Công ty con
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Vinaincon 6	Công ty con
Công ty Cổ phần Bê tông Ly tâm An Giang	Công ty con
Công ty Cổ phần Bê tông ly tâm Vinaincon	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng VINAINCON	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Công nghiệp	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Thi công cơ giới VINAINCON	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Cơ khí Hồng Nam	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Khai thác Đá vôi Quang Sơn	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Kết cấu thép Xây dựng	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế và Xây dựng VINAINCON	Công ty liên kết
Bộ Công thương	Cổ đông chi phối
Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc	Lãnh đạo chủ chốt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH VẮN PHÒNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính Vắn phòng giữa niên độ kèm theo

4. TIỀN

	30/06/2020	01/01/2020
	VND	VND
Tiền mặt	200.153.434	528.906.384
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	3.253.539.423	802.681.594
Cộng	3.453.692.857	1.331.587.978

5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	30/06/2020	01/01/2020
	VND	VND
a) Phải thu của khách hàng ngắn hạn	90.471.962.321	108.116.024.170
Công ty Cổ phần Gang thép Thái Nguyên	27.191.055.200	27.191.055.200
Chi nhánh Tập đoàn Dầu khí Việt Nam - Ban Quản lý dự án Điện lực Dầu khí Sông Hậu 1	25.949.617.192	34.393.303.337
Công ty Cổ phần Dệt may Sài Gòn	10.000.000.000	15.000.000.000
Công ty Mitsui Engineering & Shipbuiding	9.962.181.360	9.962.181.360
Các đối tượng khác	17.369.108.569	21.569.484.273
b) Trong đó phải thu của khách hàng là bên liên quan	362.971.270	362.971.270
Công ty Cổ phần Bê tông ly tâm Vinaincon	362.971.270	362.971.270

6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30/06/2020	01/01/2020
	VND	VND
a) Trả trước cho người bán ngắn hạn	29.171.287.190	28.791.191.626
Công ty Cổ phần Kết cấu thép Xây dựng	8.485.617.811	8.485.617.811
Công ty Cổ phần Xây dựng 203	4.102.173.574	4.102.173.574
Công ty Cổ phần Bê tông ly tâm Vinaincon	4.712.579.331	4.712.579.331
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Đông Anh	3.022.433.220	3.022.433.220
Công ty Cổ phần XD và Thương mại LEPRO VN	2.250.182.909	2.250.182.909
Các đối tượng khác	6.598.300.345	6.218.204.781
b) Trong đó trả trước cho người bán là các bên liên quan	13.812.529.092	14.213.016.808
Công ty TNHH MTV Cơ khí Hóa chất Hà Bắc	21.636.950	-
Công ty TNHH MTV Xây lắp Hóa chất	592.695.000	1.014.819.666
Công ty Cổ phần Kết cấu thép Xây dựng	8.485.617.811	8.485.617.811
Công ty Cổ phần Bê tông ly tâm Vinaincon	4.712.579.331	4.712.579.331

7. PHẢI THU NỘI BỘ NGẮN HẠN

	30/06/2020	01/01/2020
	VND	VND
Trung tâm Xuất nhập khẩu Vật tư Kỹ Thuật	971.685.384	971.685.384
Chi nhánh Miền Nam	20.566.233.465	12.821.010.789
Chi nhánh Myanmar	1.243.340.361	1.236.293.361
Chi nhánh Xây lắp và Cung ứng Vật tư thiết bị	8.195.739.170	8.170.179.089
Cộng	30.976.998.380	23.199.168.623

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH VĂN PHÒNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính Văn phòng giữa niên độ kèm theo

8. PHẢI THU KHÁC NGẮN HẠN

	30/06/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Phải thu khác ngắn hạn	360.323.574.622	-	354.702.640.376	-
Tạm ứng	1.135.621.116	-	286.225.551	-
Phải thu khác	359.187.953.506	-	354.416.414.825	-
Công ty TNHH MTV Xi măng Quang Sơn (i)	319.893.811.366	-	321.595.040.951	-
Công ty Cổ phần Cơ khí Xây lắp Hoá chất	13.844.892.847	-	13.844.892.847	-
Công ty TNHH MTV Xây lắp Hóa chất	6.009.300.844	-	5.973.401.860	-
Công ty Cổ phần Bê tông Ly tâm An Giang	4.639.599.000	-	-	-
Công ty Cổ phần Xây lắp và Sản xuất Công nghiệp	4.521.058.913	-	4.482.262.913	-
Công ty TNHH MTV Cơ khí Hoá chất Hà Bắc	3.114.860.245	-	3.114.860.245	-
- Các đối tượng khác	7.164.430.291	-	5.405.956.009	-
b) Trong đó phải thu khác là các bên liên quan (chi tiết tại Thuyết minh số 30)	356.943.158.324	-	352.658.083.404	-

Ghi chú:

- (i) Số phải thu của Công ty TNHH MTV Xi măng Quang Sơn chủ yếu là khoản do Tổng Công ty trả nợ thay khoản vay dài hạn đầu tư dự án Nhà máy Xi măng Thái Nguyên cho Ngân hàng BNP Paribas.

9. DỰ PHÒNG PHẢI THU

	30/06/2020		01/01/2020	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Công ty Cổ phần Gang thép Thái Nguyên	27.191.055.200	(27.191.055.200)	27.191.055.200	(27.191.055.200)
Công ty Mitsui Engineering & Shipbuiding	9.962.181.360	(4.981.090.680)	9.962.181.360	(4.981.090.680)
Công ty CP Xây dựng 203	4.102.173.574	(4.102.173.574)	4.102.173.574	(4.102.173.574)
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Đông Anh	3.022.433.220	(3.022.433.220)	3.022.433.220	(3.022.433.220)
Công ty TNHH LAVIMONT Việt Nam	2.778.463.119	(2.778.462.664)	2.778.463.119	(2.778.462.664)
Công ty CP XD và Thương mại LEPRO VN	2.250.182.909	(2.250.182.909)	2.250.182.909	(2.250.182.909)
Công ty CP Công nghệ AMEC	1.983.613.753	(1.983.613.753)	1.983.613.753	(1.983.613.753)
Đối tượng khác	6.813.891.063	(6.412.422.162)	6.813.891.063	(6.412.422.162)
Cộng	58.103.994.198	(52.721.434.162)	58.103.994.198	(52.721.434.162)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH VẦN PHÒNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính Văn phòng giữa niên độ kèm theo

10. HÀNG TỒN KHO

	30/06/2020		01/01/2020	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	151.268.000	-	151.268.000	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	22.622.369.149	-	29.853.876.853	-
Cộng	22.773.637.149	-	30.005.144.853	-

11. VỐN KINH DOANH Ở ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC

	30/06/2020	01/01/2020
	VND	VND
Trung tâm Xuất nhập khẩu Vật tư Kỹ Thuật	13.376.741.530	13.376.741.530
Chi nhánh Miền Nam	1.586.615.678	1.586.615.678
Chi nhánh Xây lắp và Cung ứng Vật tư thiết bị	2.000.000.000	2.000.000.000
Cộng	16.963.357.208	16.963.357.208

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH VẤN PHÒNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính Văn phòng giữa niên độ kèm theo

12. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ					
Số dư đầu năm	20.491.522.733	287.852.000	9.526.452.883	391.469.881	30.697.297.497
Tăng do mua sắm	-	-	1.289.224.309	-	1.289.224.309
Thanh lý nhượng bán	-	-	(601.493.886)	-	(601.493.886)
Số dư cuối kỳ	20.491.522.733	287.852.000	10.214.183.306	391.469.881	31.385.027.920
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư đầu năm	14.569.020.430	287.852.000	8.531.103.573	391.469.881	23.779.445.884
Khấu hao trong năm	865.873.971	-	424.398.716	-	1.290.272.687
Thanh lý nhượng bán	-	-	(601.493.886)	-	(601.493.886)
Số dư cuối kỳ	15.434.894.401	287.852.000	8.354.008.403	391.469.881	24.468.224.685
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Số dư đầu năm	5.922.502.303	-	995.349.310	-	6.917.851.613
Số dư cuối kỳ	5.056.628.332	-	1.860.174.903	-	6.916.803.235

Nguyên giá tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/06/2020 là 7.994.540.807 VND (tại ngày 31/12/2019 là 7.738.239.693 VND).

Giá trị còn lại của tài sản cố định mang đi thế chấp cho các khoản vay tại ngày 30/6/2020 là 5.045.206.698 VND (tại ngày 31/12/2019 là 5.875.066.152 VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH VẮN PHÒNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính Vắn phòng giữa niên độ kèm theo

13. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Chương trình phần mềm VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ		
Số dư đầu năm	730.720.000	730.720.000
Số dư cuối kỳ	730.720.000	730.720.000
GIÁ TRỊ HAO MÒN LUY KẾ		
Số dư đầu năm	730.720.000	730.720.000
Số dư cuối kỳ	730.720.000	730.720.000
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Số dư đầu năm	-	-
Số dư cuối kỳ	-	-

Nguyên giá tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/06/2020 là 730.720.000 VND (tại ngày 31/12/2019 là 730.720.000 VND).



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH VẤN PHÒNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính Văn phòng giữa niên độ kèm theo

14. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	30/06/2020		01/01/2020	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý (*) VND	Giá gốc VND
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	473.305.672.855	(217.254.094.705)	473.305.672.855	(217.254.094.705)
- Đầu tư vào công ty con				
Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện 2	70.000.000.000	-	70.000.000.000	-
Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện 4	90.000.000.000	-	90.000.000.000	-
Công ty TNHH MTV Cơ khí Hóa chất Hà Bắc	10.000.000.000	(10.000.000.000)	10.000.000.000	(10.000.000.000)
Công ty TNHH MTV Xi măng Quang Sơn	200.000.000.000	(200.000.000.000)	200.000.000.000	(200.000.000.000)
Công ty TNHH MTV Xây lắp Hóa chất	-	-	-	-
Công ty Cổ phần Cơ khí Xây lắp Hóa chất	4.024.058.696	(4.024.058.696)	4.024.058.696	(4.024.058.696)
Công ty Cổ phần Xây lắp và Sản xuất Công nghiệp	24.386.208.045	-	24.386.208.045	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng số 5	12.201.283.784	-	12.201.283.784	-
Công ty Cổ phần Bê tông Ly tâm Thủ Đức	38.035.530.934	-	38.035.530.934	-
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thương mại	2.792.888.482	-	2.792.888.482	-
Hợp tác Nhân lực Quốc tế Việt Nam				
Công ty Cổ phần Đầu tư và Khoáng sản VINAINCON	4.547.145.641	(1.205.722.853)	4.547.145.641	(1.205.722.853)
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Vinaincon 6	2.040.000.000	(2.024.313.156)	2.040.000.000	(2.024.313.156)
Công ty Cổ phần Bê tông Ly tâm An Giang	15.278.557.273	-	15.278.557.273	-
- Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	54.263.592.152	(4.392.199.093)	54.263.592.152	(4.392.199.093)
Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế và Xây dựng VINAINCON	6.208.620.000	-	6.208.620.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Công nghiệp	14.300.768.318	-	14.300.768.318	-
Công ty Cổ phần Kết cấu thép Xây dựng	13.208.342.264	-	13.208.342.264	-
Công ty Cổ phần Cơ khí Hồng Nam	6.634.922.757	-	6.634.922.757	-
Công ty Cổ phần Bê tông ly tâm Vinaincon	8.010.131.008	(3.910.849.866)	8.010.131.008	(3.910.849.866)
Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng	742.806.389	(481.349.227)	742.806.389	(481.349.227)
Công ty Cổ phần Khai thác Đá với Quang Sơn	2.730.001.416	-	2.730.001.416	-
Công ty Cổ phần Thi công cơ giới VINAINCON	2.428.000.000	-	2.428.000.000	-



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH VẤN PHÒNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính Văn phòng giữa niên độ kèm theo

14. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

	30/06/2020		01/01/2020	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý (*) VND	Giá gốc VND
- Đầu tư vào đơn vị khác	28.883.043.675	(4.881.459.225)	(*)	28.883.043.675
Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế Công nghiệp và Dân dụng	899.972.230	-	(*)	899.972.230
Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất Công nghiệp	4.123.185.470	-	(*)	4.123.185.470
Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp	10.032.000.000	-	(*)	10.032.000.000
Công ty Cổ phần Lắp máy và Xây dựng điện Miền Nam	779.612.900	-	(*)	779.612.900
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Cẩm Phả	8.861.055.899	(4.837.597.400)	(*)	8.861.055.899
Công ty Cổ phần Thương mại Xây lắp Công nghiệp Thăng Long	2.086.292.176	-	(*)	2.086.292.176
Công ty Cổ phần Bao bì Sóng Công	2.100.925.000	(43.861.825)	(*)	2.100.925.000
Cộng	556.452.308.682	(226.527.753.023)		556.452.308.682

Ghi chú:

(*) Tổng Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý tại ngày lập báo cáo, do các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Các giao dịch và số dư trọng yếu với các công ty con, công ty liên kết được trình bày tại Thuyết minh số 30.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH VĂN PHÒNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính Văn phòng giữa niên độ kèm theo

15. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	30/06/2020	01/01/2020
	VND	VND
	13.446.117.055	13.449.386.889
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	44.897.055	48.166.889
Quyền sử dụng đất phải nộp theo phương án cổ phần hóa (i)	13.401.220.000	13.401.220.000
Cộng	13.446.117.055	13.449.386.889

Ghi chú:

- (i) Quyền sử dụng đất tại số 5 Láng Hạ phải nộp theo phương án cổ phần hóa Tổng Công ty đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt. Đến thời điểm hiện tại, Tổng Công ty chưa được cấp quyền sử dụng đất, nên khoản này đang được ghi nhận chi phí trả trước tương ứng khoản phải trả khác với giá trị là 13.401.220.000 VND (xem thêm Thuyết minh số 20).

16. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30/06/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
a) Phải trả người bán ngắn hạn	30.645.514.297	30.645.514.297	33.330.827.358	33.330.827.358
Công ty Cổ phần Thiết bị Công nghiệp Maksteel	7.047.655.000	7.047.655.000	7.047.655.000	7.047.655.000
Công ty Cổ phần Xây lắp và Sản xuất Công nghiệp	5.381.185.148	5.381.185.148	5.381.185.148	5.381.185.148
Công ty Cổ phần Cơ khí Xây dựng số 18	3.452.129.000	3.452.129.000	3.452.129.000	3.452.129.000
Công ty Cổ phần Cơ khí Xây lắp Hoá chất	2.897.296.787	2.897.296.787	3.297.296.787	3.297.296.787
Công ty TNHH MTV Cơ khí Hóa chất Hà Bắc	2.078.124.234	2.078.124.234	2.078.124.234	2.078.124.234
Các đối tượng khác	9.789.124.128	9.789.124.128	12.074.437.189	12.074.437.189
b) Trong đó phải trả người bán là các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 30)	11.843.930.988	11.843.930.988	13.989.951.380	13.989.951.380

17. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	30/06/2020	01/01/2020
	VND	VND
Người mua trả tiền trước ngắn hạn		
Công ty TNHH Hóa dầu Long Sơn	7.998.310.791	7.998.310.791
Cộng	7.998.310.791	7.998.310.791

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH VẤN PHÒNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính Văn phòng giữa niên độ kèm theo

18. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ/PHẢI THU NHÀ NƯỚC

	01/01/2020	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	30/06/2020
	VND	VND	VND	VND
a) Phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng	196.461.323	925.592.831	628.690.423	493.363.731
Các loại thuế khác	-	3.000.000	3.000.000	-
Cộng	196.461.323	928.592.831	631.690.423	493.363.731
b) Phải thu				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	825.000.000	-	-	825.000.000
Thuế thu nhập cá nhân	310.291.941	168.146.720	-	142.145.221
Cộng	1.135.291.941	168.146.720	-	967.145.221

19. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	30/06/2020	01/01/2020
	VND	VND
Chi phí phải trả ngắn hạn	2.654.997.469	2.930.433.086
Trích trước chi phí công trình Nhà máy Phong điện đảo Phú Quý	802.027.280	802.027.280
Trích trước chi phí công trình Trạm biến áp 35/110 Trương Bành - Quý Hợp - Nghệ An	1.033.369.146	1.033.369.146
Trích trước chi phí công trình Đầu tư Xây dựng Công viên Thiên Niên Kỳ	394.672.376	670.107.993
Chi phí phải trả khác	424.928.667	424.928.667
Cộng	2.654.997.469	2.930.433.086

20. PHẢI TRẢ KHÁC

	30/06/2020	01/01/2020
	VND	VND
a) Phải trả ngắn hạn khác	40.327.364.310	39.690.104.455
Kinh phí công đoàn	545.650.888	492.397.663
Bảo hiểm	635.424.640	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	39.146.288.782	39.197.706.792
Công ty TNHH MTV Xây lắp Hoá chất (i)	8.955.861.916	9.638.164.545
Phải nộp về quyền sử dụng đất theo phương án cổ phần hóa (ii)	13.401.220.000	13.401.220.000
Lãi vay phải trả nhà đầu tư mua cổ phần lần đầu	1.369.352.452	1.369.352.452
Cổ tức	348.988.533	348.988.533
Phải trả khác	15.070.865.881	14.439.981.262
b) Phải trả dài hạn khác	48.000.000	48.000.000
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	48.000.000	48.000.000
c) Trong đó phải trả khác là các bên liên quan	8.955.861.916	9.638.164.545
Công ty TNHH MTV Xây lắp Hoá chất	8.955.861.916	9.638.164.545

Ghi chú:

- (i) Phải trả Công ty TNHH MTV Xây lắp Hóa chất liên quan đến bù đắp cổ phần hóa doanh nghiệp.
- (ii) Giá trị quyền sử dụng đất tại số 5 Láng Hạ phải nộp theo phương án cổ phần hóa (xem Thuyết minh số 15).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH VẮN PHÒNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính Vắn phòng giữa niên độ kèm theo

21. PHẢI TRẢ NỘI BỘ

	<u>30/06/2020</u>	<u>01/01/2020</u>
	VND	VND
Chi nhánh Xây lắp và Cung ứng Vật tư thiết bị	11.849.595.673	19.352.373.697
Cộng	<u>11.849.595.673</u>	<u>19.352.373.697</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH VẤN PHÒNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính Văn phòng giữa niên độ kèm theo

22. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

	30/06/2020		Trong kỳ		01/01/2020	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
	1.470.000.000	1.470.000.000	1.470.000.000	7.000.000.000	7.000.000.000	7.000.000.000
	1.470.000.000	1.470.000.000	1.470.000.000	7.000.000.000	7.000.000.000	7.000.000.000
	1.470.000.000	1.470.000.000	1.470.000.000	7.000.000.000	7.000.000.000	7.000.000.000

Vay ngắn hạn

Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam

- Chi nhánh Sở Giao dịch 1 (i)

Cộng

Ghi chú:

- (i) Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2020/534/HĐTĐHM ngày 06/02/2020. Hạn mức tín dụng là 365.000.000.000 VND, thời hạn đến 31/01/2021. Mục đích: cho vay ngắn hạn, mở L/C, phát hành bảo lãnh, phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Thời hạn vay và lãi suất được xác định theo từng hợp đồng tín dụng cụ thể. Số dư tại 30/06/2020 theo hợp đồng tín dụng cụ thể số 01/2020/534/HĐTĐCT ngày 08/04/2020, số tiền là 1.470.000.000 VND. Thời hạn vay 6 tháng kể từ ngày 08/02/2020. Mục đích vay để thực hiện thi công dự án Khu Công nghiệp Đất Cuốc. Lãi suất 8,5%/năm. Tài sản đảm bảo là tài sản trên đất tại Tòa nhà Vinaincon, số 5 Láng Hạ, Thành Công, Ba Đình, Hà Nội.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH VĂN PHÒNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

23. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND
Số dư đầu kỳ trước	550.000.000.000	170.910.351.303	720.910.351.303
Lãi/ (lỗ) trong năm	-	15.905.905.103	15.905.905.103
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	(2.613.000.000)	(2.613.000.000)
Lợi nhuận từ các Chi nhánh	-	1.073.928.523	1.073.928.523
Số dư đầu kỳ này	550.000.000.000	185.277.184.929	735.277.184.929
Lãi/ (lỗ) trong năm	-	8.387.681.343	8.387.681.343
Phân phối lợi nhuận (i)	-	(2.972.000.000)	(2.972.000.000)
Số dư cuối kỳ này	550.000.000.000	190.692.866.272	740.692.866.272

Ghi chú:

- (i) Trích quỹ khen thưởng phúc lợi theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/2020/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26/06/2020, số tiền là 2.972.000.000 VND.

Vốn điều lệ

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi lần thứ 6 ngày 02/01/2020, vốn điều lệ của Tổng Công ty là 550.000.000.000 VND. Tại ngày 30 tháng 06 năm 2020, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp đủ như sau:

	Vốn đã góp			
	30/06/2020		01/01/2020	
	VND	%	VND	%
Bộ Công thương	455.125.000.000	82,75%	455.125.000.000	82,75%
Các đối tượng khác	94.875.000.000	17,25%	94.875.000.000	17,25%
Cộng	550.000.000.000	100%	550.000.000.000	100%

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH VĂN PHÒNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính Văn phòng giữa niên độ kèm theo

23. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP THEO)

b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu	<u>30/06/2020</u>	<u>01/01/2020</u>
	VND	VND
Bộ Công thương	455.125.000.000	455.125.000.000
Các đối tượng khác	94.875.000.000	94.875.000.000
Cộng	<u>550.000.000.000</u>	<u>550.000.000.000</u>
c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận	<u>Từ ngày 01/01/2020</u>	<u>Từ ngày 01/01/2019</u>
	<u>đến ngày 30/06/2020</u>	<u>đến ngày 30/06/2019</u>
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	550.000.000.000	550.000.000.000
- Vốn góp đầu kỳ	550.000.000.000	550.000.000.000
- Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
- Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
- Vốn góp cuối kỳ	550.000.000.000	550.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-
d) Tình hình phát hành cổ phiếu của Công ty	<u>30/06/2020</u>	<u>01/01/2020</u>
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	55.000.000	55.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
- Cổ phiếu phổ thông	55.000.000	55.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
- Cổ phiếu phổ thông	55.000.000	55.000.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

24. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	<u>30/06/2020</u>	<u>01/01/2020</u>
Ngoại tệ các loại		
USD	4.586,70	4.593,30
EUR	42,82	42,82

25. DOANH THU THUẬN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	<u>Từ ngày 01/01/2020</u>	<u>Từ ngày 01/01/2019</u>
	<u>đến ngày 30/06/2020</u>	<u>đến ngày 30/06/2019</u>
	VND	VND
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Doanh thu xây lắp	24.490.752.667	119.915.881.842
Doanh thu bán hàng hóa	-	76.700.386.386
Cộng	<u>24.490.752.667</u>	<u>196.616.268.228</u>

26. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	<u>Từ ngày 01/01/2020</u>	<u>Từ ngày 01/01/2019</u>
	<u>đến ngày 30/06/2020</u>	<u>đến ngày 30/06/2019</u>
	VND	VND
Giá vốn xây lắp	23.271.246.818	112.942.792.208
Giá vốn bán hàng hóa	-	76.700.396.393
Cộng	<u>23.271.246.818</u>	<u>189.643.188.601</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH VĂN PHÒNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính Văn phòng giữa niên độ kèm theo

27. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020	Từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	-	8.181.818
Chi phí nhân công	8.056.618.362	7.581.031.778
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.290.272.687	1.291.930.762
Chi phí dịch vụ mua ngoài	13.914.785.961	1.297.314.465
Chi phí khác bằng tiền	4.730.773.021	5.218.188.101
Cộng	27.992.450.031	15.396.646.924

28. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020	Từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	9.700.722.233	22.950.487
Cổ tức, lợi nhuận được chia	9.425.787.000	17.199.531.500
Lãi chênh lệch tỷ giá	-	177.612.640
Cộng	19.126.509.233	17.400.094.627

29. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020	Từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019
	VND	VND
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ		
Chi phí nhân viên	7.172.184.062	6.505.821.278
Chi phí đồ dùng văn phòng	2.979.000	108.518.934
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.290.272.687	1.288.430.773
Thuế, phí và lệ phí	32.096.448	589.604.914
Chi phí dịch vụ mua ngoài	776.720.516	1.188.795.531
Chi phí bằng tiền khác	2.678.458.204	852.124.881
Cộng	11.952.710.917	10.533.296.311

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH VẮN PHÒNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính Vắn phòng giữa niên độ kèm theo***30. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Ngoài nghiệp vụ và số dư với bên liên quan đã trình bày tại Thuyết Minh số 5, 6, 8, 16 và 20, Tổng Công ty có các số dư trọng yếu với các bên liên quan như sau:

	<u>30/06/2020</u>	<u>01/01/2020</u>
	VND	VND
Phải thu khác	356.943.158.324	352.658.083.404
Công ty TNHH MTV Xi măng Quang Sơn	319.893.811.366	321.595.040.951
Công ty Cổ phần Cơ khí Xây lắp Hoá chất	13.844.892.847	13.844.892.847
Công ty TNHH MTV Xây lắp Hoá chất	6.009.300.844	5.973.401.860
Công ty Cổ phần Bê tông ly tâm An Giang	4.639.599.000	-
Công ty Cổ phần Xây lắp và Sản xuất Công nghiệp	4.521.058.913	4.482.262.913
Công ty TNHH MTV Cơ khí Hóa chất Hà Bắc	3.114.860.245	3.114.860.245
Công ty Cổ phần Kết cấu thép Xây dựng	1.560.000.000	-
Công ty Cổ phần Thi công cơ giới VINAINCON	917.781.318	1.567.191.318
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng số 5	688.500.000	688.500.000
Công ty Cổ phần Cơ khí Hồng Nam	517.293.000	517.293.000
Công ty Cổ phần Bê tông ly tâm Vinaincon	498.250.586	498.250.586
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Công nghiệp	432.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Khoáng sản VINAINCON	161.566.205	161.566.205
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thương mại Hợp tác Nhân lực Quốc tế Việt Nam	127.500.000	-
Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế và Xây dựng VINAINCON	16.744.000	14.823.479
Công ty Cổ phần Khai thác Đá vôi Quang Sơn	-	200.000.000
Phải trả người bán	11.843.930.988	13.989.951.380
Công ty Cổ phần Xây lắp và Sản xuất Công nghiệp	5.381.185.148	5.381.185.148
Công ty Cổ phần Cơ khí Xây lắp Hoá chất	2.897.296.787	3.297.296.787
Công ty TNHH MTV Cơ khí Hóa chất Hà Bắc	2.078.124.234	2.056.487.284
Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế và Xây dựng VINAINCON	650.872.390	2.424.335.511
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Công nghiệp	5.805.779	-
Công ty Cổ phần Cơ khí Hồng Nam	789.194.170	789.194.170
Công ty Cổ phần Thi công cơ giới VINAINCON	41.452.480	41.452.480

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH VĂN PHÒNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính Văn phòng giữa niên độ kèm theo

30. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)

Trong kỳ, Tổng Công ty có các giao dịch trọng yếu với bên liên quan như sau:

	Từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020	Từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019
	VND	VND
Mua hàng hóa, dịch vụ	(201.189.201)	77.039.348.273
Công ty TNHH MTV Xi măng Quang Sơn	-	76.700.396.393
Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế và Xây dựng VINAINCON	(201.189.201)	-
Công ty TNHH MTV Cơ khí Hóa chất Hà Bắc	-	338.951.880
Lãi cho vay	9.695.432.333	-
Công ty TNHH MTV Xi măng Quang Sơn	9.695.432.333	-
Cổ tức, lợi nhuận được chia	9.425.787.000	17.199.531.500
Công ty Cổ phần Kết cấu thép Xây dựng	1.560.000.000	1.768.000.000
Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế và Xây dựng VINAINCON	1.552.155.000	1.552.155.000
Công ty Cổ phần Bê tông Ly tâm An Giang	6.186.132.000	5.412.865.500
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thương mại Hợp tác Nhân lực Quốc tế Việt Nam	127.500.000	127.500.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng số 5	-	688.500.000
Công ty Cổ phần Bê tông Ly tâm Thủ Đức	-	6.542.382.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Công nghiệp	-	432.000.000
Công ty Cổ phần Cơ khí Hồng Nam	-	517.293.000
Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế Công nghiệp và Dân dụng	-	158.836.000

Thu nhập của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc trong kỳ:

	Từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020	Từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019
	VND	VND
Thu nhập của HĐQT và Ban Tổng Giám đốc	926.286.000	1.048.385.000
	926.286.000	1.048.385.000

31. THÔNG TIN KHÁC

Do ảnh hưởng của những biến động đối với tình hình kinh tế - xã hội, ngành nghề hoạt động của Tổng Công ty đang chứa đựng các rủi ro về sự biến động giá thị trường của các loại nguyên vật liệu dùng cho thi công. Những thay đổi về giá nguyên vật liệu thi công có thể ảnh hưởng đến những lợi ích và nghĩa vụ kinh tế của Tổng Công ty. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cho rằng sự thay đổi của thị trường cũng như ảnh hưởng của các chính sách quản lý vĩ mô của Nhà nước là rất khó dự đoán. Vì vậy, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty không thể lượng hóa được sự ảnh hưởng của vấn đề này đối với các công trình đang thi công của Tổng Công ty. Kết quả cuối cùng sẽ chỉ được xác định khi hoàn thành thi công, và nghiệm thu bàn giao cho các chủ đầu tư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH VĂN PHÒNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính Văn phòng giữa niên độ kèm theo

32. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu Báo cáo tài chính Văn phòng giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 và số liệu trên báo cáo tài chính Văn phòng năm 2019 đã được soát xét, kiểm toán bởi một công ty kiểm toán khác.



Trần Ngọc Tâm
Người lập biểu

Hà Nội, ngày 20 tháng 08 năm 2020



Đặng Quang Cường
Trưởng Ban tài chính kế toán



Đỗ Chí Nguyễn
Tổng Giám đốc